

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Số: 52/2022/QĐST – HNGĐ

Bình Sơn, ngày 20 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 287/2022/TLST – HNGĐ, ngày 12 tháng 9 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Chị Bùi Thị Tố N, sinh năm 1984;

2/ Anh Võ Duy K, sinh năm 1984;

Cùng nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

Cùng chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị Tố N và Anh Võ Duy K qua quá trình tìm hiểu, yêu thương, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi ngày 06/5/2008 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh, chị sinh sống tại thôn P, xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình sống chung anh, chị phát sinh mâu thuẫn, được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng anh, chị không thể hàn gắn được. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh, chị bất đồng trong quan điểm sống, không chia sẻ nhau trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau và đến nay tình cảm vợ chồng không còn. Nay xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên

anh, chị cùng yêu cầu Tòa án công nhận cho anh, chị được thuận tình ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh K mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Võ Duy Hoàng P, sinh ngày 15/02/2009. Chị Bùi Thị Tố N và Anh Võ Duy K thỏa thuận giao cháu Võ Duy Hoàng P cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận của anh, chị là phù hợp với nguyện vọng của con, phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án công nhận thỏa thuận về nuôi con của anh, chị.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

Đã hết thời hạn 7(bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Tố N và Anh Võ Duy K thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao cháu Võ Duy Hoàng P cho Chị Bùi Thị Tố N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu.

Anh Võ Duy K có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Khi cần thiết một trong hai bên; cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Hai bên đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

1.5. Về lệ phí sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), Chị Bùi Thị Tố N và Anh Võ Duy K có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước nhưng anh, chị đã nộp lệ phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nên được khấu trừ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002412 ngày 12/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục P thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND, Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã N (ĐKKH ngày 06/5/2008);
- Lưu hồ sơ, án văn.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Võ Đình Chung